

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt

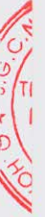
Báo cáo tài chính

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

1
2
3

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của hội đồng thành viên	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 46



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt (tên trước đây là Công ty TNHH một thành viên Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt), là công ty con 100% sở hữu của Tập đoàn Bảo Việt (trước đây là Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam), được thành lập theo Quyết định số 911/2005/QĐ/HĐQT-BV ngày 22 tháng 08 năm 2005 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam và Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 05/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành ngày 08 tháng 11 năm 2005.

Vào ngày 14 tháng 12 năm 2007, Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt (“Công ty”) được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép Thành lập và Hoạt động điều chỉnh số 10/UBCK-GPĐCQLQ, theo đó:

- ▶ Tên của Công ty được đổi thành Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt;
- ▶ Vốn điều lệ của Công ty được tăng từ 25 tỷ đồng Việt Nam lên 50 tỷ đồng Việt Nam; và
- ▶ Thành viên sáng lập của Công ty là Tập đoàn Bảo Việt.

Vào ngày 22 tháng 04 năm 2015, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép Thành lập và Hoạt động điều chỉnh số 08/GPĐC_UBCK, theo đó Người đại diện theo Pháp luật của Công ty là Ông Đặng Minh Lâm – Tổng Giám đốc (kiêm Chủ tịch Hội đồng thành viên).

Ngày 22 tháng 09 năm 2015, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty quản lý Quỹ số 27/GPDC-UBCK, theo đó vốn điều lệ của Công ty được tăng từ 50 tỷ đồng Việt Nam lên 100 tỷ đồng Việt Nam.

Hoạt động chính của Công ty là quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại số 8 Lê Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Thành viên Hội đồng Thành viên trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</u>
Ông Đặng Minh Lâm	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 12 năm 2014
Bà Trần Thị Phương Thảo	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 12 năm 2014
Ông Hatawaki Mutsuhiro	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 11 năm 2013

KIỂM SOÁT VIÊN

Các kiểm soát viên trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</u>
Bà Vũ Thị Hạnh	Kiểm soát viên trưởng	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 12 năm 2014
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Kiểm soát viên	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 06 năm 2014

TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</u>
Ông Đặng Minh Lâm	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 04 năm 2015
Ông Bùi Tuấn Trung	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 12 năm 2012 Miễn nhiệm ngày 10 tháng 04 năm 2015



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 10 tháng 4 năm 2015 là ông Bùi Tuấn Trung – Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 10 tháng 4 năm 2015 đến ngày lập báo cáo này là ông Đạu Minh Lâm - Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

TO
N
N
N
&
T
H
M

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Hội đồng Thành viên Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các chính sách kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ được quy định tại Thông tư số 125/2011/QĐ-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2011 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng Thành viên:



Ông Đậu Minh Lâm
Chủ tịch

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 16 tháng 03 năm 2016

TR
H
T
H
Y
C
H
A
I
N
O
T

Số tham chiếu: 60780870/17880298

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Thành viên
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt ("Công ty") được lập ngày 16 tháng 03 năm 2016 và được trình bày từ trang 06 đến trang 46, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các chính sách kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2011 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

30
VH
Y
JUH
UN
A
PHI

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các chính sách kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2011 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Saman Bandara
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 2036-2013-004-1

Trịnh Hoàng Anh
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 2071-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 16 tháng 03 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		106.528.168.787	63.314.994.457
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	2.800.232.834	562.079.342
111	1. Tiền		2.800.232.834	562.079.342
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	87.764.258.805	54.615.400.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		87.764.258.805	54.984.954.985
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		-	(369.554.985)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		15.419.933.529	7.605.993.099
131	1. Phải thu từ hoạt động đầu tư	6	3.495.260.555	3.326.555.555
132	2. Trả trước cho người bán		2.713.507.000	-
133	3. Phải thu các bên liên quan	7	8.043.969.563	4.011.378.873
134	4. Phải thu từ hoạt động quản lý danh mục đầu tư	8.1	4.317.027.475	3.528.555.682
135	5. Các khoản phải thu khác		203.761.934	93.095.987
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	8.2	(3.353.592.998)	(3.353.592.998)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		543.743.619	531.522.016
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	511.121.111	512.447.222
158	2. Tài sản ngắn hạn khác		32.622.508	19.074.794
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		14.277.848.897	1.469.423.550
220	I. Tài sản cố định		1.131.448.897	1.392.496.910
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	1.131.448.897	1.392.496.910
222	Nguyên giá		4.729.892.265	4.709.247.065
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(3.598.443.368)	(3.316.750.155)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	-	-
228	Nguyên giá		2.190.541.483	2.190.541.483
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.190.541.483)	(2.190.541.483)
250	II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	5	13.000.000.000	-
258	1. Đầu tư dài hạn khác		13.000.000.000	-
260	III. Tài sản dài hạn khác		146.400.000	76.926.640
261	1. Chi phí trả trước dài hạn khác		-	43.458.640
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại		146.400.000	33.468.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		120.806.017.684	64.784.418.007

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		10.579.152.560	11.508.694.434
310	I. Nợ ngắn hạn		10.579.152.560	11.508.694.434
312	1. Phải trả người bán	12	635.614.880	738.480.910
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	1.423.579.679	154.562.022
315	3. Phải trả người lao động	14	8.031.838.679	6.840.874.215
317	4. Phải trả các bên liên quan	15	343.680.699	3.011.215.264
319	5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	16	188.830.716	509.991.160
323	6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	17	(44.392.093)	253.570.863
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	18	110.226.865.124	53.275.723.573
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		100.000.000.000	50.000.000.000
418	2. Quỹ dự phòng tài chính		1.377.842.890	620.537.044
419	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		1.377.842.890	620.537.044
420	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		7.471.179.344	2.034.649.485
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		120.806.017.684	64.784.418.007



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
006	1. Chứng khoán lưu ký của Công ty		7.264.258.805	9.984.954.985
031	2. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	28.1	91.560.483.123	44.728.486.466
041	3. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	28.2	37.905.049.604.135	23.647.798.074.319
050	4. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	28.3	1.231.100.222.847	1.098.486.046.402
051	5. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	28.4	(8.042.413.961.326)	(3.896.337.985.470)

Người lập



Bà Nguyễn Thị Chiến
 Kế toán

Phê duyệt:



Ông Đặng Chí Nghĩa
 Phụ trách kế toán

Phê duyệt



Ông Đậu Minh Lâm
 Chủ tịch Hội đồng Thành viên
 kiêm Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 16 tháng 03 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh	19	54.143.814.416	46.109.457.620
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		54.143.814.416	46.109.457.620
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	20	(9.846.798)	(22.934.284)
20	5. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh		54.133.967.618	46.086.523.336
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.894.002.899	5.494.782.624
22	7. Chi phí tài chính	22	369.554.985	(369.554.985)
25	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	(40.485.831.033)	(35.786.766.663)
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		18.911.694.469	15.424.984.312
31	10. Thu nhập khác		55.568.542	-
32	11. Chi phí khác		(96.164.842)	(21.708.624)
40	12. Thu nhập khác thuần		(40.596.300)	(21.708.624)
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		18.871.098.169	15.403.275.688
51	14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24.1	(3.837.913.236)	(3.026.002.799)
52	15. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	24.2	112.932.000	33.468.000
60	16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		15.146.116.933	12.410.740.889

Người lập



Bà Nguyễn Thị Chiến
Kế toán

Phê duyệt:



Ông Đặng Chí Nghĩa
Phụ trách kế toán



Ông Đậu Minh Lâm
Chủ tịch Hội đồng Thành viên
kiêm Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 16 tháng 03 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		49.322.751.933	45.847.369.938
02	Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(3.451.987.910)	(2.353.971.072)
03	Tiền chi trả cho người lao động		(18.221.891.808)	(13.809.917.220)
05	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(2.771.002.566)	(3.839.205.133)
07	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(24.255.136.101)	(15.382.321.732)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		622.733.548	10.461.954.781
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(80.258.200)	(1.451.600.000)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		250.000	-
23	Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(111.200.000.000)	(43.090.825.515)
24	Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư công cụ nợ của đơn vị khác		65.420.696.180	43.105.870.530
27	Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia		4.725.297.899	4.049.560.407
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư		(41.134.014.121)	2.613.005.422
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, trái phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		50.000.000.000	-
36	Chuyển lợi nhuận về Tập đoàn Bảo Việt		(7.250.565.935)	(13.073.797.914)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính		42.749.434.065	(13.073.797.914)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		2.238.153.492	1.162.289
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	4	562.079.342	560.917.053
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	2.800.232.834	562.079.342

Người lập



Bà Nguyễn Thị Chiến
Kế toán

Phê duyệt:



Ông Đặng Chí Nghĩa
Phụ trách kế toán



Phê duyệt



Ông Đậu Minh Lâm
Chủ tịch Hội đồng Thành viên
kiêm Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 16 tháng 03 năm 2016

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/ (giảm)				Số dư cuối năm	
		Năm trước	Năm nay	Năm trước		Năm nay		Năm trước	Năm nay
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	18	50.000.000.000	50.000.000.000	-	-	50.000.000.000	-	50.000.000.000	100.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính	18	-	620.537.044	620.537.044	-	757.305.846	-	620.537.044	1.377.842.890
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	18	-	620.537.044	620.537.044	-	757.305.846	-	620.537.044	1.377.842.890
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	18	4.735.907.265	2.034.649.485	12.410.740.889	(15.111.998.669)	15.146.116.933	(9.709.587.074)	2.034.649.485	7.471.179.344
TỔNG CỘNG		54.735.907.265	53.275.723.573	13.651.814.977	(15.111.998.669)	66.660.728.625	(9.709.587.074)	53.275.723.573	110.226.865.124

Người lập:



Bà Nguyễn Thị Chiến
Kế toán

Phê duyệt:



Ông Đặng Chí Nghĩa
Phụ trách Kế toán



Ông Đậu Minh Lâm
Chủ tịch Hội đồng Thành viên kiêm
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 16 tháng 03 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. CÔNG TY

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt (tên trước đây là Công ty TNHH một thành viên Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt), là công ty con 100% sở hữu của Tập đoàn Bảo Việt (trước đây là Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam), được thành lập theo Quyết định số 911/2005/QĐ/HĐQT-BV ngày 22 tháng 08 năm 2005 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam và Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 05/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành ngày 08 tháng 11 năm 2005.

Vào ngày 14 tháng 12 năm 2007, Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt (“Công ty”) được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép Thành lập và Hoạt động điều chỉnh số 10/UBCK-GPĐCQLQ, theo đó:

- ▶ Tên của Công ty được đổi thành Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt;
- ▶ Vốn điều lệ của Công ty được tăng từ 25 tỷ đồng Việt Nam lên 50 tỷ đồng Việt Nam; và
- ▶ Thành viên sáng lập của Công ty là Tập đoàn Bảo Việt.

Vào ngày 22 tháng 04 năm 2015, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép Thành lập và Hoạt động điều chỉnh số 08/GPĐC_UBCK, theo đó Người đại diện theo Pháp luật của Công ty là Ông Đặng Minh Lâm – Tổng Giám đốc (kiêm Chủ tịch Hội đồng thành viên).

Ngày 22 tháng 09 năm 2015, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép Thành lập và Hoạt động điều chỉnh số 27/GPĐC_UBCK, theo đó, vốn điều lệ của Công ty được tăng từ 50 tỷ đồng Việt Nam lên 100 tỷ đồng Việt Nam.

Hoạt động chính của Công ty là quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đang thực hiện quản lý các danh mục như sau:

<u>Danh mục đầu tư / Quỹ đầu tư</u>	<u>Chủ sở hữu</u>	<u>Giá trị tài sản thuần tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (VND)</u>
<i>Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán:</i>		
Danh mục Bảo hiểm Bảo Việt	Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt ("Bảo hiểm Bảo Việt")	2.372.469.684.004
Danh mục Bảo Việt Nhân Thọ	Tổng Công ty Bảo Việt Nhân Thọ ("Bảo Việt Nhân Thọ")	18.503.072.305.705
Danh mục Công ty Nhiệt điện Phả Lại	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	17.442.858.736
Danh mục Bảo Việt Tokio Marine	Công ty Liên doanh Bảo hiểm Bảo Việt Tokio Marine	237.474.945.877
Danh mục từ nguồn Sản phẩm liên kết chung (UNV)	Tổng Công ty Bảo Việt Nhân Thọ	8.765.614.601.015
Danh mục của VINARE	Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam (VINARE)	35.723.327.681
		29.931.797.723.018
<i>Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán:</i>		
Quỹ đầu tư Cổ phiếu năng động Bảo Việt (BVFED)		77.786.583.944
Quỹ Đầu tư giá trị Bảo Việt (BVIP)		1.014.935.072.122
TỔNG CỘNG		1.092.721.656.066

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. CÔNG TY (tiếp theo)

Công ty có trụ sở chính tại số 8 Lê Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 45 người (31 tháng 12 năm 2014: 42 người). Công ty có 20 nhân viên đã được cấp chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ, chi tiết như sau:

<i>Họ tên</i>	<i>Số giấy phép</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Vị trí công tác</i>
Đậu Minh Lâm	00034/QLQ	04/02/2009	Chủ tịch Hội đồng Thành viên kiêm Tổng Giám đốc
Nguyễn Phương Anh	00022/QLQ	04/02/2009	Giám đốc Phát triển Kinh doanh
Nguyễn Đình Duy	000519/QLQ	29/01/2010	Trưởng phòng Nghiên cứu Chiến lược
Nguyễn Tiến Hải	00423/QLQ	02/11/2009	Giám đốc Quản lý Danh mục
Phạm Lương Hoàng	00030/QLQ	04/02/2009	Phụ trách Kiểm soát Nội bộ và Pháp chế
Đặng Chí Nghĩa	00412/QLQ	11/08/2009	Phụ trách Kế toán
Nguyễn Tuấn Phong	000528/QLQ	29/01/2010	Trưởng phòng Kinh doanh Lãi suất Cố định
Nguyễn Thị Kim Thúy	00043/QLQ	04/02/2009	Giám đốc phân tích
Đoàn Thu Trang	000534/QLQ	29/01/2010	Chuyên viên Dịch vụ Khách hàng
Trần Phú Việt	001365/QLQ	18/01/2016	Chuyên viên Quản lý Rủi ro – Phòng Đánh giá Rủi ro
Trịnh Bích Ngọc	001169/QLQ	04/11/2014	Phó phòng phụ trách Phòng Đánh giá Hoạt động và Quản lý Rủi ro
Nguyễn Thị Hải Vân	001342/QLQ	02/11/2015	Giám đốc Quản lý Danh mục
Nguyễn Minh Thanh	001177/QLQ	20/11/2014	Trưởng phòng Phân tích Cổ phiếu
Phạm Quang Vinh	001339/QLQ	04/11/2015	Trưởng phòng Giao dịch Cổ phiếu và các Tài sản khác
Nguyễn Ngọc Duyên	001167/QLQ	04/11/2014	Trưởng bộ phận Quản trị Quỹ - Phòng Tài chính Kế toán
Mai Trung Dũng	000828/QLQ	26/03/2012	Giám đốc Giám sát Tuân thủ
Nguyễn Đức Lương	001189/QLQ	26/12/2014	Giám đốc Quản lý Danh mục
Vũ Thị Thanh Hồng	00055/QLQ	27/02/2009	Trưởng Văn phòng đại diện Hồ Chí Minh
Lê Hứa Thúy Anh	001044/QLQ	28/11/2013	Chuyên viên phân tích đầu tư cổ phiếu - Văn phòng đại diện Hồ Chí Minh
Lê Đăng Khoa	001244/QLQ	10/04/2015	Phụ trách đào tạo và phát triển kênh phân phối - Văn phòng đại diện Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được thể hiện bằng đồng Việt Nam (“VND”) và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2011 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4);
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa các báo cáo này không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng tại Công ty là Nhật ký Chung.

2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đồng tiền kế toán

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng đồng Việt Nam (“VND”).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến nghiệp vụ sau:

Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 200”) thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 (“Quyết định 15”) và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính (“Thông tư 244”). Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015. Công ty áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC cho các nghiệp vụ chưa được hướng dẫn tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị ghi sổ trừ đi dự phòng giảm giá. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá thị trường tại ngày đó theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 146/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 06 tháng 10 năm 2014. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính của doanh nghiệp trong kỳ.

Giá vốn của các khoản chứng khoán bán ra được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Chứng khoán tự doanh bao gồm các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán. Chứng khoán tự doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Các khoản đầu tư khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân loại thành đầu tư ngắn hạn và đầu tư dài hạn. Đầu tư ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn bằng hoặc dưới 12 tháng, ngoại trừ phần tiền gửi có kỳ hạn bằng hoặc dưới ba tháng đã bao gồm trong Tiền và các khoản tương đương tiền, và các khoản đầu tư vào trái phiếu chính phủ được nắm giữ với mục đích để bán trong vòng trên 3 tháng đến 12 tháng. Đầu tư dài hạn bao gồm trái phiếu chính phủ, các khoản cho vay, tiền gửi và các khoản đầu tư dài hạn khác có kỳ hạn trên 12 tháng.

Các chứng khoán tự doanh và các khoản đầu tư khác được tiếp tục phản ánh theo giá gốc trong các kỳ kế toán tiếp theo và được lập dự phòng giảm giá nếu giá gốc cao hơn giá thị trường có thể xác định được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Dự phòng giảm giá chứng khoán

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thị trường tại ngày đó theo hướng dẫn của Thông tư số 146/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 6 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.

Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.

Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để trích lập dự phòng là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

3.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào “Chi phí quản lý doanh nghiệp” trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng rủi ro theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009. Theo đó, mức trích lập dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn thanh toán như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	30%
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50%
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	70%
Trên 3 năm	100%

KẾ TOÁN QUẢN LÝ QUỸ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Tài sản cố định

Tài sản cố định bao gồm tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình, được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.7 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 năm
Thiết bị văn phòng	3 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

3.8 Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước ngắn hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh cho các năm tài chính tiếp theo:

- ▶ Chi phí bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho cán bộ công nhân viên.

Loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh cho các năm tài chính tiếp theo:

- ▶ Các tài sản không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013.

3.9 Lợi ích của nhân viên

Các khoản trợ cấp hưu trí

Trợ cấp hưu trí cho các nhân viên của Công ty sau khi nghỉ hưu do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam chi trả. Theo quy định, bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2012, hàng tháng Công ty sẽ đóng góp vào quỹ lương hưu cho Cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam theo mức 17% trên mức lương cơ bản của nhân viên (từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 16% và trước 01 tháng 01 năm 2010 là 15%). Ngoài ra, Công ty không có nghĩa vụ nào khác liên quan đến trợ cấp hưu trí.

VÀ
 CHI
 CÔ
 NH
 ST
 HẾT
 LI H
 TIẾ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Lợi ích của nhân viên (tiếp theo)

Trợ cấp thôi việc tự nguyện và trợ cấp mất việc

- ▶ *Trợ cấp thôi việc tự nguyện:* theo quy định tại Điều 42, Bộ Luật Lao động số 10/2012/QH13 ngày 18 tháng 06 năm 2012, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc tự nguyện, với mức tương đương là nửa tháng lương cơ bản cho mỗi năm làm việc cộng với các khoản thù lao khác (nếu có) tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của 6 tháng gần nhất tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính;
- ▶ *Trợ cấp mất việc:* theo quy định tại Điều 17 Bộ Luật Lao động, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp cho các nhân viên mất việc do việc chuyển đổi cơ cấu hoặc do thay đổi về công nghệ. Trong trường hợp này, Công ty sẽ có nghĩa vụ trả trợ cấp mất việc với tổng số tiền tương đương một tháng lương cho mỗi năm làm việc nhưng không được thấp hơn hai tháng lương.

Theo Quy định tại Thông tư số 180/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012, từ năm 2012, Công ty không trích lập hay duy trì Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm.

Quỹ bảo hiểm thất nghiệp

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, theo quy định mới của luật Bảo hiểm xã hội số 71/2006/QH11 ban hành ngày 29 tháng 06 năm 2006 và Nghị định số 127/2008/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ, người lao động đóng bằng 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp, người sử dụng lao động đóng bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp và Nhà nước hỗ trợ từ ngân sách bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp vào Quỹ bảo hiểm thất nghiệp. Bảo hiểm xã hội Việt Nam thực hiện việc thu, chi, quản lý Quỹ bảo hiểm thất nghiệp.

3.10 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.11 Phân phối lợi nhuận

Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt là công ty con 100% vốn chủ sở hữu của Tập đoàn Bảo Việt. Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chuyển về Tập đoàn Bảo Việt theo quy định của Tập đoàn và các văn bản pháp quy hiện hành của Việt Nam.

